

Bản án số 11/2018/HC-PT
Ngày 25 - 10 - 2018
V/v yêu cầu hủy Quyết định hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Sơn.
Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Phần
Ông Nguyễn Đăng Phồn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Bà Trương Thị Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hành chính thụ lý số 12/2017/TLPT-HC ngày 26 tháng 12 năm 2017 về việc “Yêu cầu hủy Quyết định hành chính”. Do có kháng cáo của người bị kiện đối với Bản án Hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐ-PT ngày 05 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần Xuân T, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Ông T vắng mặt.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K và Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Q; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Chu Thị H, sinh năm 1954. Địa chỉ: Xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T và bà H: Ông Trần Xuân Kiệm, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 11, khối V, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An; theo các Giấy ủy quyền ngày 09 tháng 12 năm 2016 và ngày 25 tháng 5 năm 2017. Ông K có mặt tại phiên tòa.

* Người có kháng cáo: Ủy ban nhân dân xã K và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án Hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An thì vụ án có nội dung như sau:

Theo nội dung đơn khởi kiện của ông Trần Xuân T, bản tự khai và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện thì trước ngày 27 tháng 9 năm 2014, Ủy ban nhân dân xã K có mời ba hộ ông Trần Xuân T, ông Kh, ông Tr ra xã làm việc với nội dung là thu hồi thửa đất 364 để làm đường cho các hộ tái định cư do phải di dời từ lòng Khe Cày ra. Chủ trì buổi làm việc có ông Nguyễn Văn Q là Phó Chủ tịch, đại diện theo ủy quyền của ông T, ông Tr, ông Kh là ông Trần Văn K. Quá trình làm việc đã lập biên bản làm việc, tại mục 4 biên bản làm việc ngày 27 tháng 9 năm 2014 thì ông Q thừa nhận là thửa đất 364 ông T sử dụng từ tháng 01 năm 1984, ông Tr và ông Kh sử dụng từ những năm 1950. Tiếp tục làm việc từ ngày 28 tháng 9 năm 2014, ông Q thừa nhận thửa 364 là đất vườn của ông T, ông Tr và ông Kh. Trên thực tế gia đình ông T chỉ sử dụng một phần thửa 364 tại tờ bản đồ số 2 bản đồ 299 từ tháng 01 năm 1984 liên tục và không tranh chấp với ai, hiện nay gia đình ông T vẫn đang sử dụng bình thường. Trong thời gian này thì Ủy ban nhân dân xã và Ủy ban nhân dân huyện cũng không làm thủ tục thu hồi phần đất mà ông T đang sử dụng. Sau buổi làm việc ngày 27 và 28 tháng 9 năm 2014 thì đến ngày 12 tháng 9 năm 2106, Ủy ban nhân dân xã K đã ra Thông báo số 27/TB-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2016 với nội dung xác nhận thửa đất 364 là đất công ích do hợp tác xã khai hoang giao cho nhân dân xóm Sao Vàng canh tác trước năm 1983 đồng thời xác định là đất công ích của Ủy ban nhân dân xã chứ không phải đất của ba hộ ông Kh, ông T và ông Tr. Ông Trần Xuân T thấy Thông báo số 27 phản ánh không đúng nội dung của biên bản ngày 27 và 28 tháng 9 năm 2014 đã xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của ông T. Vì vậy, ông T đề nghị Tòa án huỷ Thông báo số 27/TB-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã K.

Căn cứ trên Thông báo số 27 ngày 15 tháng 9 năm 2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K tiếp tục ban hành bản truy thu sản lượng đối với phần đất mà hộ ông T đang sử dụng. Trên thực tế thì một phần đất mà ông T đang sử dụng của thửa 364 không nằm trong diện tích đất thu hồi theo Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2008. Theo tờ bản đồ quy hoạch đất ở thì phần diện tích đất bị thu hồi theo Quyết định số 3814 là đất của hộ ông Tr và ông Kh chứ không liên quan gì đến phần đất của ông T. Nếu thu hồi toàn bộ thửa đất 364 thì diện tích là 5814 m² nhưng trong quyết định thu hồi chỉ thu hồi 2993 m² đất trong đó có 206 m² đất của thửa đất 361. Trên thực tế thì một phần diện tích đất của thửa 364 mà ông T chỉ đang sử dụng do ông T khai hoang sử dụng từ tháng 01 năm 1984 không có chuyện ông T đấu thầu, nhận khoán của Ủy ban nhân dân xã K. Như vậy việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K ra bản truy thu sản lượng là không có căn cứ. Ngoài ra bản truy thu còn lên phương án truy thu các thửa đất 358, 361 là không có căn cứ vì các thửa đất đó ông T đã bàn giao từ năm 2008 và không sử dụng nữa, hiện tại hai thửa đất đó đã đắp đường nội đồng và một số hộ khác sử dụng để trồng lúa. Việc này đã được toà án và chính quyền địa phương lập biên bản kiểm tra thực địa vào ngày 20 tháng 6 năm 2017 có sự tham gia của đại diện Ủy ban nhân dân xã, cán bộ địa chính, xóm trưởng, bí thư xóm Hợp Khánh. Do vậy ông Trần Xuân T đề nghị Tòa án huỷ một phần bản truy thu sản lượng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K đối với hộ ông T tại các thửa 358, 361 và một phần đất của thửa 364 từ năm 2009 đến 2016. (Từ số thứ tự 5 đến 12 của bản truy thu ngày 15 tháng 9 năm 2016 của chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K).

Quá trình viết bản khai, đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Ủy ban nhân dân xã K, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An cho rằng: Việc ban hành Thông báo số 27 ngày 12 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã K về việc xác định nguồn gốc các thửa đất tại vùng Cựa Khôi và bản truy thu sản lượng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K đối với hộ ông Trần Xuân T ngày 15 tháng 9 năm 2016 là có căn cứ vì: Tại Công văn số 85 ngày 24 tháng 11 năm 2008 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y về việc thẩm định nguồn gốc sử dụng đất tại xứ đồng cửa khôi xóm H, xã K tại các thửa số 358, 359, 360, 361 và 364 là đất công ích của Ủy ban nhân dân xã K quản lý giao để làm khu tái định cư cho các hộ dân vùng Khe Cày. Việc hỗ trợ hoa màu cho các hộ sản xuất trên các thửa đất cho hộ ông T, ông Tr, ông Kh được thực hiện với số tiền ông T 1.986.000 đồng, ông Tr là 3.185.000 đồng, ông Kh 3.874.000 đồng. Riêng hộ ông Tr và ông Kh đã bàn giao đất cho Ủy ban nhân

dân xã. Hộ ông T vẫn đang canh tác trên thửa đất 358, 361 và một phần đất của thửa 364, 359, 360. Do vậy, Ủy ban nhân dân xã xác định thửa đất 358 và 361 và một phần thửa đất 364 thì hộ ông T chưa bàn giao cho Ủy ban nhân dân xã. Việc ông T trình bày đã bàn giao hai thửa đất 358 và 361 cho Ủy ban nhân dân xã vào năm 2008 là không có, ông T vẫn sử dụng hai thửa đất cho đến nay. Do vậy, Ủy ban nhân dân xã ra Thông báo số 27/TB-UBND và chủ tịch Ủy ban nhân dân lập danh sách truy thu sản phẩm của thửa đất 358, 359, 361 và một phần đất của thửa 364 là đúng. Phần thu sản phẩm của hộ ông T, ông Kh, ông Tr thì hai hộ ông Kh và ông Tr đã thực hiện đầy đủ đến năm 2008 (tính đến thời điểm bàn giao đất) còn hộ ông T thì xin hoãn việc thu sản phẩm vì đất đang có tranh chấp (Đơn ông T viết vào ngày 25 tháng 5 năm 2008) đơn đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phê duyệt tạm hoãn thu sản phẩm của hộ ông T chưa thu hộ ông T. Để có Thông báo số 27/TB-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2016 và Báo cáo số 21 ngày 28 tháng 10 năm 2016, Ủy ban nhân dân xã thực hiện Công văn số 861 ngày 07 tháng 9 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y về trả lời kiến nghị của công dân Nguyễn Văn T xóm Hợp K phản ánh nội dung thu sản phẩm trên các thửa đất mà ông T đang canh tác. Do vậy, việc ra thông báo số: 27/TB-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã và việc chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K lập bản truy thu phương án hộ ông Trần Xuân T ngày 15 tháng 9 năm 2016 là có căn cứ. Nay, ông T đề nghị huỷ Thông báo số 27/TB-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã và bản truy thu phương án của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã thì tôi không đồng ý. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Quá trình khởi kiện ông T có nộp biên bản làm việc ngày 27, 28 tháng 9 năm 2014 thì biên bản đó do ông K (người đại diện của ông T) ghi biên bản thì anh Kiệm có viết thêm “ Ông K hỏi: Ông Q, ông G thấy xã đã làm sai thủ tục thu hồi không”, “Ông Q trả lời xã có sai nhiều chỗ, Ủy ban nhân dân xã hứa sẽ khắc phục”. Phần này là do anh Kiệm tự viết thêm chứ không phải lời trình bày của tôi tại buổi làm việc. Tại mục 4 “ông Kiệm hỏi đất của ông T, ông Kh, ông Tr xã có biết là họ sử dụng chung từ lúc sử dụng đến nay chưa đưa vào giao khoán không” “ông Q trả lời mảnh đất 364 của Ủy ban nhân dân xã chưa đưa vào giao khoán đất đó là đất vườn của 3 hộ trên”. Phần này cũng do anh Kiệm ghi thêm tôi không trình bày như thế. Biên bản gốc của những ngày làm việc 27, 28 tháng 9 năm 2014 hiện nay Ủy ban nhân dân xã không còn lưu, ông Kiệm mượn nhưng không trả. Lý do tại sao có dấu y sao của Ủy ban nhân dân xã vì chị Nguyễn Thị L cán

bộ văn phòng là con ông Nguyễn Trọng K. Theo ông Q văn bản y sao và biên bản làm việc hôm đó không có giá trị chứng minh. Vì chủ trì buổi họp chỉ xác minh có mặt tại buổi làm việc chứ không xác minh nội dung làm việc.

Với nội dung trên, Bản án Hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Áp dụng Điều 29, Điều 30, Điều 3, Điều 158, điểm b khoản 2 điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân T,

- Hủy một phần Thông báo số 27 ngày 12 tháng năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, Nghệ An về việc xác định nguồn gốc các thửa đất tại vùng Cựa Khôi Xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An đối với hộ ông Trần Xuân T xác định một phần thửa đất của ông T đang sử dụng là đất công ích của Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, Nghệ An.

- Hủy một phần thông báo truy thu phương án hộ ông Trần Xuân T ngày 15 tháng 9 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K theo số thứ tự của bản truy thu thu mục 5 đến mục 12.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26 tháng 10 năm 2017, Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An kháng cáo một phần Bản án Hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An với lý do: Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện để tuyên hủy một phần Thông báo số 27/TB.UBND đề ngày 12 tháng 9 năm 2016 là không đúng pháp luật, bởi:

- Bản án sơ thẩm không đánh giá một cách toàn diện, khách quan và đúng pháp luật các căn cứ tại Thông báo số 27/TB.UBND đề ngày 12 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y;

- Bản án sơ thẩm dựa vào biên bản làm việc ngày 27, 28 tháng 9 năm 2014 có nhiều vấn đề không đúng sự thật để xác định nguồn gốc sử dụng đất là đất khai hoang của người khởi kiện là phiến diện, thiếu căn cứ và không đúng pháp luật;

- Bản án sơ thẩm dựa vào các thành phần liên quan đến biên bản làm việc ngày 27, 28 tháng 9 năm 2014 nhưng không triệu tập những người này đến phiên tòa là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm để sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An giữ nguyên nội dung kháng cáo

Ngày 26 tháng 10 năm 2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An kháng cáo một phần Bản án Hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An với lý do: Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện để tuyên hủy một phần Bảng truy thu phương án đề ngày 15 tháng 9 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y là không đúng pháp luật, bởi: Bản án sơ thẩm không đánh giá một cách toàn diện, khách quan và đúng pháp luật các căn cứ tại Bảng truy thu phương án đề ngày 15 tháng 9 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 14 tháng 6 năm 2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An có đơn xin rút nội dung kháng cáo đối với việc xem xét Bảng truy thu phương án hộ ông Trần Xuân T ngày 15 tháng 9 năm 2016.

Ông Trần Văn K đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 217, Điều 221 Luật Tổ tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại Điều 166, Điều 222, Điều 223, Điều 233, các Điều từ 236 đến 242 Luật Tổ tụng hành chính.

- Về việc tuân theo pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác: Các đương sự và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng các quy định pháp luật. Quyền tranh tụng tại phiên tòa được bảo đảm.

- Về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo: Người bị kiện kháng cáo trong hạn luật định, có nộp dự phí kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 217 Luật Tổ tụng hành chính.

- Về tố tụng: Việc xác định đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện của Tòa án cấp sơ thẩm đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K là người bị kiện là không chính xác theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đối với nội dung kháng cáo liên quan đến Bảng truy thu phương án hộ ông Trần Xuân T ngày 15 tháng 9 năm 2016, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, người bị kiện đã rút nội dung kháng cáo này, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 229 Luật Tố tụng hành chính để đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung kháng cáo này.

Đối với nội dung kháng cáo liên quan đến Thông báo số 27/TB.UBND ngày 12 tháng 9 năm 2016, Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của người bị kiện; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính để sửa một phần bản án sơ thẩm, bác một phần yêu cầu khởi kiện về việc hủy bỏ một phần Thông báo số 27/TB.UBND đề ngày 12 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người khởi kiện ông Trần Xuân T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chu Thị H vắng mặt nhưng đã ủy quyền hợp pháp cho ông Trần Văn K tham gia phiên tòa. Căn cứ quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án .

[2] Xét nội dung vụ án: Ông Trần Xuân T khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án hủy bỏ một phần Thông báo số 27/TB.UBND ngày 12 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, Nghệ An và Bảng truy thu phương án hộ ông Trần Xuân T ngày 15 tháng 9 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ thu thập được đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân T, tuyên hủy một phần Thông báo số 27/TB.UBND ngày 12 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An và hủy một phần Thông báo truy thu phương án hộ ông Trần Xuân T ngày 15 tháng 9 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Sau khi xét xử sơ thẩm, người bị kiện kháng cáo toàn bộ nội dung bản án.

[3] Xét nội dung kháng cáo của Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An

Đối với nội dung kháng cáo liên quan đến Bảng truy thu phương án hộ ông Trần Xuân T ngày 15 tháng 9 năm 2016, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Ủy ban nhân dân xã K có văn bản xin rút nội dung kháng cáo này. Xét thấy, việc rút kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Căn cứ khoản 3 Điều 229 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử đình chỉ nội dung kháng cáo này. Quyết định về nội dung này của bản án sơ thẩm có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

Đối với nội dung kháng cáo liên quan đến Thông báo số 27/TB.UBND ngày 12 tháng 9 năm 2016:

Về thẩm quyền ban hành: Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An là cơ quan quản lý đất đai ở địa phương, có thẩm quyền ban hành các văn bản để thực hiện việc quản lý đất đai trên địa bàn xã Kim Thành. Do đó, việc Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An ban hành Thông báo số 27/TB.UBND là đúng pháp luật.

Về nội dung, Thông báo số 27/TB.UBND xác định vùng đất màu tại tờ bản đồ số 299, tờ số 02, thửa đất số 358, 364 liền kề mép đường là đất công ích của Ủy ban nhân dân xã, không phải là đất khai hoang của ba hộ ông Tr, ông Kh, ông T. Xét thấy, thửa đất số 364 phản ánh trên bản đồ 299 có diện tích 5814m², có ký hiệu “H” (Đất hoang) trước đây do hộ ông Kh, ông Tr và ông T sử dụng. Tại sổ đăng ký ruộng đất năm 1985 thể hiện tên chủ sử dụng của thửa đất là Đội 5, Nhà nước không giao cho hộ gia đình hay cá nhân nào sử dụng. Tuy nhiên, trên thực tế thì từ trước năm 1985 vẫn còn nhiều hộ dân sản xuất trồng hoa màu trên thửa đất 364 cho đến nay, trong đó có hộ ông Trần Xuân T. Trong suốt thời gian hơn 30 năm kể từ năm 1984 đến nay, hộ gia đình ông T sử dụng đất liên tục, không có tranh chấp và Ủy ban nhân dân xã K cũng không buộc hộ ông T phải đóng nghĩa vụ tài chính về việc sử dụng đất tại thửa đất này. Đồng thời, gia đình ông T cũng không kê khai đề nghị Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích hộ gia đình ông đang sử dụng tại thửa đất 364. Ủy ban nhân dân xã K thừa nhận trên thực tế công tác quản lý đất đai tại địa phương không chặt chẽ, thiếu kiểm tra nên vẫn để các hộ dân tiếp tục, sử dụng. Mặt khác, trong sổ quản lý địa chính không thể hiện gia đình ông T được quyền sử dụng thửa đất số 364, gia đình ông T không có tài liệu chứng minh việc kê khai đất để đề nghị Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong

quá trình thực hiện chủ trương dồn điền đổi thửa, Ủy ban nhân dân xã K đã đưa thửa đất 364 vào quản lý là đất công ích, đồng thời, ban hành Thông báo số 27/TB.UBND ngày 12 tháng 9 năm 2016 xác định nguồn gốc các thửa đất phía dưới đường vùng C, xóm H, xã K gồm nhiều thửa đất trong đó có thửa đất số 364, tờ số 02 bản đồ 299 là đất công ích.

Xét thấy: Một trong những căn cứ quan trọng để Ủy ban nhân dân xã K ban hành Thông báo số 27/TB.UBND ngày 12 tháng 9 năm 2016 là Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Y về thu hồi đất tại xã K. Quyết định này đã bị ông Hoàng Văn Tr và ông Nguyễn Trọng Kh là những hộ dân đang sử dụng đất tại thửa 364 khởi kiện. Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 14/2017/HCST ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã xét xử và tuyên hủy một phần Quyết định 3814/QĐ-UBND liên quan tới việc thu hồi đất tại xã K, trong đó có thửa đất 364 tại vùng C. Bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật. Tại thời điểm xét xử phúc thẩm, việc chấp nhận Thông báo số 27/TB.UBND ngày 12 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã K là không phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo của Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Khi có quyết định thu hồi đất ở vùng này của cơ quan có thẩm quyền thì Ủy ban nhân dân xã K sẽ có căn cứ để ban hành thông báo theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định sai tư cách người tố tụng, xét thấy, Bảng truy thu phương án hộ ông Trần Xuân T ngày 15 tháng 9 năm 2016 thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân xã K, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K chỉ là người thay mặt tập thể ký. Căn cứ quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Nghị quyết số 02/2011/NQ-HDDTP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì cần xác định người kiện là Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn có một số sai sót do không quyết định buộc cơ quan Nhà nước và người có thẩm quyền trong cơ quan Nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật khi chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện nên sửa bản án cho chính xác, sai sót này Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An phải chịu án phí Hành chính

sơ thẩm theo quy định pháp luật, trả lại cho ông Trần Xuân T số tiền tạm ứng đã nộp. Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí Hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An phải chịu án phí Hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 229, khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính,

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An liên quan đến Bảng truy thu phương án hộ ông Trần Xuân T đề ngày 15 tháng 9 năm 2016 theo số thứ tự từ mục 5 đến mục 12). Quyết định về nội dung này của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật theo quy định pháp luật.

2. Bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An liên quan đến Thông báo số 27/TB.UBND đề ngày 12 tháng 9 năm 2016, sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên án,

Áp dụng Điều 29, Điều 30, Điều 3, Điều 158, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân T về; hủy một phần Thông báo số 27/TB.UBND đề ngày 12 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An về việc xác định nguồn gốc các thửa đất tại vùng Cựa Khôi, Xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An đối với hộ ông Trần Xuân T xác định một phần thửa đất của ông T đang sử dụng là đất công ích của Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, Nghệ An; buộc Cơ quan Nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án,

+ Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hành chính sơ thẩm.

+ Trả lại cho ông Trần Xuân T 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí Hành chính sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002260 ngày 23 tháng 12 năm 2016.

- Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Buộc Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An phải chịu án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006646 ngày 02 tháng 11 năm 2017.

+ Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006645 ngày 02 tháng 11 năm 2017.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Yên Thành;
- Chi cục THADS huyện Yên Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Hồng Sơn

